**Mẫu 6:**

**Tổng quan**

**SỐ LIỆU BÁO CÁO PHỤC VỤ BỘ TRƯỞNG VÀ LÃNH ĐẠO BỘ
DỰ PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ THƯỜNG KỲ: Tổng số 129 chỉ tiêu**

**I. Tổng quan sự phát triển của ngành**

* **Doanh thu ngành**
* **Lợi nhuận ngành**
* **Nộp ngân sách**
* **Đóng góp vào tăng trưởng GDP**
* **Số doanh nghiệp**
* **Số lao động**

**II. Lĩnh vực Bưu chính: (15 chỉ tiêu)**

1. **Số liệu báo cáo thường kỳ:**
* Doanh thu dịch vụ Bưu chính
* Lợi nhuận sau thuế của DNBC
* Số tiền DNBC nộp ngân sách nhà nước
* Đóng góp vào tăng trưởng GDP
* Số doanh nghiệp, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực bưu chính
* Số lao động của doanh nghiệp bưu chính
1. **Số liệu quan trọng đang thể hiện trong báo cáo:**
* Số điểm phục vụ bưu chính
* Số điểm bưu điện - văn hóa xã
* Sản lượng bưu chính chuyển phát (Sản lượng thư, gói kiện)
1. **Số liệu chỉ tiêu quản lý ngành (Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ quan tâm)**
* Số TK active trên sàn TMĐT (đủ điều kiện tham gia giao dịch)
* Số lượng giao dịch trên sàn TMĐT Voso và Postmart| (đơn hàng)
* Tổng giá trị giao dịch trên sàn TMĐT (tỷ
* Số/loại sản phẩm được đưa lên sàn TMĐT
* Số hộ SXNN được tạo TK trên sàn TMĐT Voso và Postmart
* Số hộ SXNN được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số/Kỹ năng đóng gói, giao nhận hàng hóa

**III. Lĩnh vực Viễn thông: (48 chỉ tiêu)**

1. **Số liệu báo cáo thường kỳ:**
* Tổng doanh thu lĩnh vực viễn thông
* Lợi nhuận sau thuế
* Số tiền DNVT nộp Ngân sách nhà nước
* Đóng góp vào tăng trưởng GDP
* Số doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
* Số lao động trong lĩnh vực viễn thông
1. **Số liệu quan trọng đang thể hiện trong báo cáo:**
* Số lượng thuê bao điện thoại
	+ Thuê bao điện thoại cố định
	+ Thuê bao điện thoại di động đang hoạt động
* Số lượng thuê bao truy nhập Internet
	+ Số thuê bao băng rộng cố định
	+ Số thuê bao băng rộng di động
* Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định /hộ gia đình (%)
* Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet
* Tỷ lệ người sử dụng Internet (%)
* Tốc độ trung bình của thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định (%)
* Tốc độ trung bình của thuê bao truy nhập Internet băng rộng di động (%)
* Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định /100 dân (%)
* Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động /100 dân (%)
* Chỉ số ARPU tính trên các thuê bao di động đang hoạt động (vnđ/thuê bao/tháng)
* Tỷ trọng doanh thu dịch vụ di động so với tổng doanh thu dịch vụ viễn thông (%)
* Tỷ trọng doanh thu dịch vụ data so với tổng doanh thu dịch vụ thông tin di động (%)
1. **Số liệu chỉ tiêu quản lý ngành (Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ quan tâm)**
* Số liệu về xử lý điểm lõm sóng di động giai đoạn 2021 - 2022 (thôn)
* Số máy tính đã bàn giao (chương trình Sóng và máy tính cho em)
* Số cuộc gọi phát sinh từ thuê bao spam call
* Số TB bị chặn do phát tán gọi rác
* Kiểm soát SMS rác
1. **Các chỉ tiêu do đơn vị đề xuất bổ sung**
* Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang
* Số thuê bao điện thoại di động trên 100 dân
* Số thuê bao điện thoại cố định trên 100 dân
* Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân
* Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân
* Số thuê bao smartphone/số thuê bao di động
* Lưu lượng BRDĐ/thuê bao/tháng
* Lưu lượng BRCĐ/thuê bao/tháng
* Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng dịch vụ Mobilemoney/tổng số thuê bao di động
* Số lượng điểm kinh doanh dịch vụ Mobilemoney
* Dung lượng băng thông quốc tế sử dụng
* Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động tế bào (2G, 3G, 4G, 5G
* Tỷ lệ thuê bao chuyển mạng giữ nguyên số so với thuê bao điện thoại di động
* Tỷ lệ thôn được phủ sóng di động 3G/4G
* Tỷ lệ người chỉ sử dụng điện thoại di động featurephone – điện thoại dùng phím bấm (%)
* Tỷ lệ người trưởng thành sử dụng điện thoại di động smartphone (%)
* Số liệu sim bàn giao cùng máy tính (chương trình sóng và máy tính cho em)
* Tỷ lệ thuê bao rời mạng/thuê bao phát triển mới (tỷ lệ churn rate) (%)Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên mạng Internet của Việt Nam;
* Số lượng bộ, ngành, tỉnh/TP đã ban hành kế hoạch chuyển đổi IPv6 ;
* Số lượng bộ, ngành, địa phương có cổng thông tin điện tử hoặc cổng dịch vụ hành chính công triển khai IPv6;
* Số lượng tên miền quốc gia .vn;
* Tốc độ truy cập Internet trung bình theo số liệu hệ thống VNNIC Speedtest;

+ FTTH /cả nước:…………;

+ Mobile /cả nước:………

**IV. Lĩnh vực Ứng dụng CNTT: (12 chỉ tiêu)**

1. **Số liệu báo cáo thường kỳ**
* Số lượng DVCTT mức độ 3, 4 (Dịch vụ)
* Số lượng DVCTT mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (Dịch vụ)
* Tỷ lệ DVCTT mức 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến/ Số lượng DVCTT mức 3,4 (%)
* Số hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua DVCTT mức độ 3, mức độ 4 (nghìn Hồ sơ)
* Tỷ lệ DVC TT mức độ 4/ Tổng số DVCTT (%)
* Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 / tổng số DVC đủ điều kiện lên mức độ 4 (%)
* Số Bộ, ngành, ĐP đã ban hành KT CQĐT 2.0
* Số Bộ, ngành, địa phương đã ban hành Nghị Quyết CĐS
* Số Bộ, ngành, địa phương đã ban hành Chương trình, Kế hoạch CĐS
* Tình hình ban hành xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT 5 năm giai đoạn 2021-2025 (của các tỉnh)
1. **Số liệu Cục Tin học hóa đề nghị Bổ sung**

Hợp nhất “Tỷ lệ DVCTT mức độ 4/ Tổng số DVCTT và Tỷ lệ DVCTT mức độ 4/ Tổng số DVCTT đủ điều kiện lên mức độ 4 thành một chỉ tiêu Tỷ lệ DVCTT mức độ 4.

* Số Bộ, ngành và địa phương đã kiện toàn, thành lập Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số
* Số lượng giao dịch trên nền tảng NDXP

**V. Lĩnh vực ATTTM: (10 chỉ tiêu)**

1. **Số liệu báo cáo thường kỳ**
* Doanh thu
* Lợi nhuận
* Nộp NSNN
* Đóng góp vào tăng trưởng GDP
* Số doanh nghiệp
* Số lao động - ATTT
* Đóng góp vào tăng trưởng GDP
1. **Số liệu chỉ tiêu quan trọng**
* Số lượng IP VN nằm trong mạng botnet (triệu địa chỉ)
* Số cuộc tấn công mạng được phát hiện
1. **Chỉ tiêu Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ quan tâm**
* Chưa xác định
1. **Các chỉ tiêu do đơn vị đề xuất bổ sung**
* Hệ thống thông tin được phân loại và thực hiện bảo vệ theo cấp độ

**VI. Lĩnh vực Kinh tế số, xã hội số**

* Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến
* Các khoản phải nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nền tảng số và dịch vụ trực tuyến
* Tỷ trọng kinh tế trọng GDP
* Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá chuyển đổi số trên cổng [www.dbi.gov.vn](http://www.dbi.gov.vn)
* Tổng số người tiếp cận chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số qua nền tảng SMEdx.
* Tổng số lượt đăng ký nền tảng SMEdx.vn
* Số hộ gia đình, cơ quan tổ chức được thông báo địa chỉ số

**VII. Lĩnh vực Công nghiệp ICT: (14 chỉ tiêu)**

1. **Số liệu báo cáo thường kỳ**
* Doanh thu của doanh nghiệp công nghiệp CNTT, ĐTVT
* Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp công nghiệp CNTT, ĐTVT
* Số tiền doanh nghiệp công nghiệp CNTT, ĐTVT nộp ngân sách nhà nước
* Đóng góp vào tăng trưởng GDP
* Số lượng doanh nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông (CNTT, ĐTVT)
* Số lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp CNTT, ĐTVT
1. **Số liệu chỉ tiêu quan trọng**
* Giá trị nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng điện tử, công nghệ thông tin (triệu USD )
* Giá trị xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa phần cứng điện tử, công nghệ thông tin (triệu USD)
* Giá trị xuất siêu sản phẩm, hàng hóa phần cứng điện tử, công nghệ thông tin (triệu USD)
* Số khu CNTT tập trung
* Số địa phương có khu CNTT tập trung hoặc nằm trong chuỗi liên kết với khu CNTT tập trung
* Số địa phương đã ban hành Kế hoạch phát triển Doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số
1. **Chỉ tiêu Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ quan tâm**
* Tỷ lệ doanh thu của Doanh nghiệp Việt Nam/Doanh thu lĩnh vực ICT (triệu USD)
* Tỷ lệ doanh thu của Doanh nghiệp Việt Nam/Doanh thu lĩnh vực ICT (triệu USD)
* Tỷ lệ Giá trị Việt Nam/Doanh thu lĩnh vực Công nghiệp ICT (Triệu USD)
* Số doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam (doanh nghiệp)

**VIII. Lĩnh vực Báo chí, truyền thông: 23 chỉ tiêu**

1. **Số liệu báo cáo thường kỳ**
* Doanh thu Lĩnh vực báo chí, truyền thông (Tỷ đồng)
* Lợi nhuận Lĩnh vực Báo chí, truyền thông
* Nộp ngân sách Lĩnh vực Báo chí, truyền thông
* Đóng góp vào tăng trưởng GDP lĩnh vực Báo chí, truyền thông
* Doanh nghiệp, tổ chức lĩnh vực Báo chí, truyền thông
* Số lượng lao động lĩnh vực báo chí, truyền thông
1. **Số liệu báo cáo quan trọng**
* Số xuất bản phẩm in (Đầu xuất bản phẩm)
* Số lượng đài truyền thanh cấp xã
* Số thuê bao THTT (Triệu thuê bao)
* Số lượng tài khoản người dùng trang MXH VN (Triệu tài khoản)
* Tỷ lệ người VN sử dụng MXH (%)
* Số sách in phát hành ra nước ngoài (Bản)
* Số lượng cụm thông tin đối ngoại
* Tỉ lệ thông tin xấu độc về Lãnh đạo Đảng, Nhà nước
* Tỷ lệ thông tin tiêu cực về đất nước, con người Việt Nam
1. **Chỉ tiêu các đơn vị đề xuất**
* Tỷ lệ tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội được ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời
* Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (CCDV) truyền hình trả tiền (THTT)
* Số lượng tổ chức bị xử phạt trong hoạt động phát thanh, truyền hình
* Tỷ lệ các bài viết có nội dung phản ánh tiêu cực
* Số vụ khiếu nại về hoạt động báo chí
* Số vụ khiếu nại về hoạt động báo chí đã được giải quyết
* Số lượng cơ quan báo chí thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích bị xử phạt
* Số cơ quan, báo chí bị xử phạt

**IX. Tình hình thực hiện đầu tư công và thu hút đầu tư nước ngoài**

**X. Thống kê các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2022\***